

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v “Tranh chấp của nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Hồng T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp C, xã H, thành phố C., tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phan Văn L chung sống với nhau năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi, bà và ông L đã ly thân năm 2019. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Phan Thành L1, sinh ngày 19/12/1999 và Phan Hồng L2, sinh ngày 08/01/2003. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ông Phan Văn L trình bày: Về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Trong cuộc sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tình cảm vợ con, gia đình vẫn còn, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con sau này nên ông không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Phan Thành L1, sinh ngày 19/12/1999 và Phan Hồng L2, sinh ngày 08/01/2003. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không có thời gian nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L chung sống với nhau năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân của bà T và ông L đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình nên không có giá trị pháp lý. Thời gian chung sống, bà T xác định vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi, bà yêu cầu ly hôn với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà T và ông L không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà xác định có 02 con chung tên Phan Thành L1, sinh ngày 19/12/1999 và Phan Hồng L2, sinh ngày 08/01/2003. Do các con đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Hồng T và ông Phan Văn L.
2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Bà Trần Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000824 ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trương Thanh Quốc

